

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2024/DS - ST**
Ngày 06- 3- 2024
V/v tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Thành Thông
2. Bà Huỳnh Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 346/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-DS, ngày 21 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/QĐST –DS ngày 20/02/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S;

Địa chỉ: Số B - B, N, phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn G-GĐ

Địa chỉ: A Đại lộ Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Văn G ủy quyền cho bà Huỳnh Như N, sinh năm 1993. Địa chỉ số 14C1 Đại lộ Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre theo văn bản ủy quyền số 605/2023/UQ- CNBT ngày 30/11/2023.

Bà Huỳnh Như N có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Dương Hoàng T, sinh năm 2000. Địa chỉ: Số B ấp P, xã P,

thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Dương Hoàng T có ký kết đề nghị với Ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi Nhánh B cấp thẻ tín dụng. Ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi Nhánh B đã tiến hành xác minh nhu cầu sử dụng và tình hình tài chính, thu nhập thực tế của ông T nên đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông T theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và kèm hợp đồng ngày 14/7/2020. Loại thẻ JCB Classic, hạn mức tín dụng thẻ được cấp là 15.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng, lãi suất 2,6%/tháng, thời hạn sử dụng thẻ là 03 năm và thẻ tự động gian hạn thời gian sử dụng.

Theo hợp đồng hàng tháng ông T phải thanh toán 5% dư nợ đầu kỳ (chốt dư nợ đầu kỳ ngày 15 tây hàng tháng). Ngân hàng sẽ cho ông T 25 ngày để thanh toán. Nếu ông T phát sinh thanh toán trễ hạn sẽ bị thu phí phạt bằng 6% (tối thiểu 80.000 đồng) số tiền thanh toán tối thiểu của kỳ đó.

Nếu khách hàng không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền thanh toán của 02 kỳ chốt thông báo giao dịch cộng 10 ngày thẻ sẽ chuyển sang nợ nhóm 2. Từ thời điểm chuyển nhóm 2 nếu khách hàng không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu của 02 kỳ chốt giao dịch sau thời gian 90 ngày thẻ sẽ chuyển nợ nhóm 3 và chốt toàn bộ dư nợ thành vốn gốc, lãi phát sinh sau khi chuyển nhóm 3 sẽ bằng 150% lãi trong hạn.

Sau khi cấp thẻ Dương Hoàng T đã thực hiện giao dịch với số tiền 18.914.700 đồng. Trong quá trình thanh toán hợp đồng từ ngày 22/7/2020 đến ngày 22/6/2023 ông T thanh toán tổng cộng 20.174.000 đồng.

Thẻ tín dụng của ông T đang quá hạn, tính đến ngày 06/3/2024 ông Dương Hoàng T còn nợ số tiền 22.222.032 đồng (trong đó vốn gốc 17.463.891 đồng, lãi trong hạn 3.172.094 đồng, lãi quá hạn là 1.586.047 đồng).

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 05/3/2024 và bản tự khai ngày 05/3/2024 bà Huỳnh Như N là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu ông Dương Hoàng T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi Nhánh B số tiền 22.222.032 đồng (trong đó vốn gốc 17.463.891 đồng, lãi trong hạn 3.172.094 đồng, lãi quá hạn là 1.586.047 đồng).

Bị đơn ông Dương Hoàng T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Dương Hoàng T vẫn vắng mặt không có lý do, không có

ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Dương Hoàng T có đăng ký thường số 248 ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Dương Hoàng T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Huỳnh Như N và ông Dương Hoàng T.

[4] Về nội dung vụ án: Ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi Nhánh B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Dương Hoàng T phải trả cho ngân hàng TMCP S - Chi Nhánh B số tiền 22.222.032 đồng (trong đó vốn gốc 17.463.891 đồng, lãi trong hạn 3.172.094 đồng, lãi quá hạn là 1.586.047 đồng).

[5] Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là “*Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 21/7/2020, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng Thương mại Cổ phần S (có hiệu lực ngày 15/8/2019), biên bản quá hạn thanh toán thẻ tín dụng ngày 11/9/2023*”. Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông T đều vắng mặt. Tuy nhiên ông T vẫn còn cư trú số 248 ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre đã nhận được bản sao tài liệu chứng cứ là căn cứ khởi kiện nguyên đơn; Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do; ông T cũng không có ý kiến phản đối gì đối với chứng cứ và yêu cầu khởi kiện nguyên đơn. Do đó có căn cứ xác định ông Dương H có ký *Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 21/7/2020 và ngày 11/9/2023 ông T và đại diện ngân hàng có ký biên bản quá hạn thanh toán xác nhận tiền nợ gốc là 17.922.798 đồng*. Do ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng nên Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 – Chi nhánh B khởi kiện yêu cầu ông T có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng số tiền 22.222.032 đồng (trong đó

vốn gốc 17.463.891 đồng, lãi trong hạn 3.172.094 đồng, lãi quá hạn là 1.586.047 đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án;

Ông Dương Hoàng T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: $22.222.032 \text{ đồng} \times 5\% = 1.111.000 \text{ đồng}$.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 228, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 463, Điều 466, Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh B.

Buộc ông Dương Hoàng T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh B số tiền 22.222.032 (Hai mươi hai triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn, không trăm ba mươi hai) đồng (trong đó vốn gốc 17.463.891 đồng, tiền lãi 4.758.141 đồng)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Dương Hoàng T phải nộp là 1.111.000 (Một triệu, một trăm mười một nghìn) đồng đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngân hàng thương mại cổ phần S được Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền 468.000 (Bốn trăm, sáu mươi tám nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000814 ngày 20/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bến Tre;
- Chi cục T.H.A DS thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu HSV/A+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Thị Phê

